

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số)

THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa): LÊ THỊ MỸ BỘI
 - Ngày/tháng/năm sinh: 01/01/1942 Giới tính: NỮ Dân tộc: KINH
 - Giấy CMND hoặc Căn cước công dân số 272.061341 cấp ngày 05/07/2006
 - Nơi cấp: CA ĐÔNG MÀI
 2. Hộ khẩu thường trú: 272/1B Kp1 phường Bình Đa
 - Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở? Đang ở với con gái 272/1B Kp1 phường Bình Đa
 - Điện thoại liên hệ: 0356211434
 3. Tình trạng đi học
 - Chưa đi học (Lý do: Đã nghỉ)
 - Đã nghỉ học (Lý do: già)
 - Đang đi học (Ghi cụ thể):
 4. Có thể BHYT không? Không Có
 5. Đang hưởng chế độ nào sau đây:
 - Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: ... đồng. Hưởng từ tháng .../.....
 - Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: ... đồng. Hưởng từ tháng/.....
 - Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: ... đồng. Hưởng từ tháng .../.....
 - Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng/.....
 6. Thuộc hộ nghèo không? Không Có
 7. Giấy xác nhận khuyết tật số Ngày cấp : Nơi cấp
 - Dạng tật:
 - Mức độ khuyết tật:
 8. Có tham gia làm việc không? Không Có
 - a) Nếu có thì đang làm gì, thu nhập hàng tháng đồng
 - b) Nếu không thì ghi lý do:
 9. Tình trạng hôn nhân : Đã kết hôn
 10. Số con (Nếu có): 02 người. Trong đó, dưới 36 tháng tuổi: ... 0 người.
 11. Khả năng tự phục vụ? 0
 12. Cá nhân/hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng: Phạm Thị Huyền Lan
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay

Giấy CMND hoặc Căn cước công dân

số: 271.040907

Ngày cấp: 14/11/2014

Nơi cấp: CA. Đống. NAI.....

Mối quan hệ với đối tượng: con gái.....

Địa chỉ: 272/1B kp1 phường Bình Đa

Ngày 15 tháng 11 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Lan

Phạm Thị Huyền Lan

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu các giấy tờ kèm theo và xác nhận thông tin cá nhân nêu trên của ông (bà) ... Lê Thị Mến ... là đúng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Huỳnh Thị Mộng Dung

Ngày 13 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Mộc Li Vân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019)

HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT
PHƯỜNG BÌNH ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI TỪ ĐỦ 6 TUỔI TRỞ LÊN

I. Thông tin người được xác định mức độ khuyết tật

- Họ và tên: LÊ THỊ MƯỜI
- Sinh ngày.....tháng.....năm 1942. Giới tính: Nữ
- Hộ khẩu thường trú: 272/1 B, KP1
- Số CMND hoặc căn cước công dân (nếu có): 272 061 341
- Nơi ở hiện nay 272/1 B, KP1
- Số điện thoại: 0356211434

II. Thông tin người đại diện hợp pháp (nếu có)

- Họ và tên: PHẠM THỊ HUYỀN LAN
- Mối quan hệ với người được xác định khuyết tật: Cm
- Số CMND hoặc căn cước công dân: 271048907
- Hộ khẩu thường trú: 272 B, KP1
- Nơi ở hiện nay: 272 B, KP1
- Số điện thoại: 0356211434

III. Xác định dạng khuyết tật

STT	Các dạng khuyết tật	Có	Không
1	Khuyết tật vận động		
1.1	Mềm nhẽo hoặc co cứng toàn thân		
1.2	Thiếu tay hoặc không cử động được tay		
1.3	Thiếu chân hoặc không cử động được chân		
1.4	Yếu, liệt, teo cơ hoặc hạn chế vận động tay, chân, lưng, cổ		
1.5	Cong, vẹo, chân tay, lưng, cổ; gù cột sống lưng hoặc dị dạng, biến dạng khác trên cơ thể ở đầu, cổ, lưng, tay, chân		
1.6	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về suy giảm chức năng vận động		
2	Khuyết tật nghe, nói		

2.1	Không phát ra âm thanh, lời nói		
2.2	Phát ra âm thanh, lời nói nhưng không rõ tiếng, rõ câu		
2.3	Không nghe được		
2.4	Khiếm khuyết hoặc dị dạng cơ quan phát âm ảnh hưởng đến việc phát âm		
2.5	Khiếm khuyết hoặc dị dạng vành tai hoặc ống tai ngoài ảnh hưởng đến nghe		
2.6	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về suy giảm chức năng nghe, nói		
3	Khuyết tật nhìn		
3.1	Mù một hoặc hai mắt		
3.2	Thiếu một hoặc hai mắt		
3.3	Khó khăn khi nhìn hoặc không nhìn thấy các đồ vật		
3.4	Khó khăn khi phân biệt màu sắc		
3.5	Rung, giật nhãn thị, đục nhân mắt hoặc sẹo loét giác mạc		
3.6	Bị dị tật, biến dạng ở vùng mắt		
3.7	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về suy giảm chức năng nhìn		
4	Khuyết tật thần kinh, tâm thần		
4.1	Thường ngồi một mình, chơi một mình, không bao giờ nói chuyện hoặc quan tâm tới bất kỳ ai		
4.2	Có những hành vi bất thường như kích động, cáu giận hoặc sợ hãi vô cớ gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sự an toàn của bản thân và người khác		
4.3	Bất ngờ dừng mọi hoạt động, mắt mở trừng trừng không chớp, co giật chân tay, môi, mặt hoặc bất thành linh ngã xuống, co giật, sùi bọt mép, gọi hỏi không biết		
4.4	Bị mất trí nhớ, bỏ nhà đi lang thang		
4.5	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về suy giảm thần kinh, tâm thần, tâm thần phân liệt		
5	Khuyết tật trí tuệ		
5.1	Khó khăn trong việc nhận biết người thân trong gia đình hoặc khó khăn trong giao tiếp với những người xung quanh so với người cùng lứa tuổi		
5.2	Chậm chạp, ngờ nghệch hoặc không thể làm được một việc đơn giản (so với tuổi) dù đã được hướng dẫn		
5.3	Khó khăn trong đọc, viết, tính toán và kỹ năng học tập khác so với người cùng tuổi do chậm phát triển trí tuệ		
5.4	Có kết luận cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về chậm phát triển trí tuệ		
6	Khuyết tật khác		
6.1	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về bệnh tê bì, mất cảm giác ở tay, chân hoặc sự bất thường của cơ thể làm giảm khả năng thực hiện các hoạt động; lao động; đọc, viết, tính toán và kỹ năng học tập khác; sinh hoạt hoặc giao tiếp		
6.2	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về bệnh hô hấp hoặc do bệnh tim mạch hoặc do rối loạn đại, tiểu tiện mặc dù đã được điều trị liên tục		

	trên 3 tháng, làm giảm khả năng thực hiện các hoạt động; lao động; đọc, viết, tính toán và kỹ năng học tập khác; sinh hoạt hoặc giao tiếp		
6.3	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về rối loạn phổ tự kỷ hoặc các loại bệnh hiếm		

IV. Xác định mức độ khuyết tật

Phần 1. Người khuyết tật được xác định mức độ khuyết tật đặc biệt nặng, khuyết tật nặng khi quan sát có một trong những dấu hiệu sau đây:

STT	Các dấu hiệu	Có	Không
1	Khuyết tật đặc biệt nặng		
1.1	Mềm nhẽo hoặc co cứng toàn thân hoặc liệt toàn thân		
1.2	Thiếu hai tay		
1.3	Mù hai mắt hoặc thiếu hai mắt		
1.4	Liệt hoàn toàn hai tay hoặc liệt nửa người		
1.5	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên mắc một hoặc nhiều loại bệnh: bệnh bại não, não úng thủy, tâm thần phân liệt		
2	Khuyết tật nặng		
	Câm và điếc hoàn toàn		

Phần 2. Trường hợp người khuyết tật không thuộc mức độ khuyết tật đặc biệt nặng và khuyết tật nặng quy định ở **Phần 1** thì đánh giá mức độ khuyết tật dựa trên các tiêu chí phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân như sau:

Mức độ thực hiện	Thực hiện được (0 điểm)	Thực hiện được nhưng cần trợ giúp (1 điểm)	Không thực hiện được (2 điểm)	Không xác định được (đánh dấu x)
Các hoạt động				
1. Đi lại		✓		
2. Ăn, uống		✓		
3. Tiểu tiện, đại tiện		✓		
4. Vệ sinh cá nhân như đánh răng, rửa mặt, tắm rửa...		✓		
5. Mặc, cởi quần áo, giày dép		✓		
6. Nghe và hiểu người khác nói gì				
7. Diễn đạt được ý muốn và suy nghĩ của bản thân qua lời nói				
8. Làm các việc gia đình như gấp quần áo, quét nhà, rửa bát, nấu cơm phù hợp với độ tuổi; hoạt động; lao động, sản xuất tạo thu nhập			✓	
9. Giao tiếp xã hội, hòa nhập cộng đồng phù hợp với độ tuổi				
10. Đọc, viết, tính toán và kỹ năng học tập khác				✓

Tổng số điểm:.....07.....

(Mức độ đặc biệt nặng: Từ 14 điểm trở lên; Mức độ nặng: Từ 7-13 điểm; Mức độ nhẹ: Từ 0-6 điểm)

V. Đề xuất xác định mức độ khuyết tật:

1. Dạng khuyết tật: (Ghi rõ dạng khuyết tật hoặc không khuyết tật) Vạn động


2. Mức độ khuyết tật:..... Nặng

3. Không đưa ra được kết luận về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật:

.....

Người ghi phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)


....., ngày 08 tháng 12 năm 2021.
Chủ tịch Hội đồng
(Ký tên, đóng dấu)


Nguyễn Thị Chung


.....


Nguyễn Trung Dũng


Phan Thị Quang


Lê Thị Hằng Vân


Nguyễn Thị Lệ


Huỳnh Thị Mộng Dung


Huỳnh Thị Mộng Dung


Trần Huy Sơn

Số: 2150/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp xã hội cho đối tượng người khuyết tật nặng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17/06/2010; Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - TBXH quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Công văn số 3869/LĐTBXH-BTXH, ngày 20/7/2021 của Sở Lao động-TBXH tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện văn bản số 8230/UBND-KGVX ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về xử lý kiến nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại văn bản số 8836/UBND-KGVX ngày 02/7/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố Biên Hòa, tại Tờ trình số 2326/TTr-LĐTBXH ngày 27/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp thường xuyên cho ông/bà Lê Thị Mười, sinh ngày 01/01/1942 hiện thường trú tại 272B/1, khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Thuộc đối tượng: Người khuyết tật nặng là người cao tuổi.
- Mức trợ cấp: 720.000đ/tháng (*Bảy trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*).
- Thời gian hưởng trợ cấp từ tháng 12 năm 2021.
- Được truy lĩnh trợ cấp từ tháng 12/2021 (mức truy lĩnh: 720.000đ/tháng)

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố, Trưởng Phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố, Chủ tịch UBND phường Bình Đa và những đối tượng có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ndel*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Chủ tịch, các PCT/UBND TP;
- Chánh, các PVP/HĐND và UBND TP;
- Phòng Lao động Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT, VX.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Duy Tân

Số: 265 /UBND

Bình Đa, ngày 14 tháng 12 năm 2021

V/v đề nghị trợ cấp thường xuyên
cho đối tượng bảo trợ xã hội.

Kính gửi: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội TP Biên Hòa

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Thực hiện Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định mức trợ cấp xã hội, mức trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội ngày 13/12/2021.

UBND phường **Bình Đa** đề nghị Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố xem xét, thẩm định trình Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa quyết định trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội như sau:

1. Trợ cấp hàng tháng cho ông/bà **Lê Thị Mười**, sinh ngày **1942**, thường trú tại **272/1b, khu phố 1, phường Bình Đa**, đủ điều kiện hưởng trợ cấp Người khuyết tật nặng là người cao tuổi, mức trợ cấp **720.000 đồng/tháng**.

2. Ông/bà **Lê Thị Mười** hiện không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.

UBND phường **Bình Đa** đề nghị Phòng Lao động – TB&XH thành phố xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mộc Ái Vân

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH, XÁC ĐỊNH LẠI MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT
VÀ CẤP, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN KHUYẾT TẬT**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Sau khi tìm hiểu quy định về xác định mức độ khuyết tật, tôi đề nghị:

- Xác định mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật
- Xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật
- Cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
- Cấp đổi Giấy xác nhận khuyết tật

(Trường hợp cấp đổi Giấy xác nhận khuyết tật thì không phải kê khai thông tin tại Mục III dưới đây).

Cụ thể:

I. Thông tin người được xác định mức độ khuyết tật

- Họ và tên: LÊ THỊ NỮ
- Sinh ngày.....tháng.....năm 1942. Giới tính:
- Số CMND hoặc căn cước công dân: 272.061.241
- Hộ khẩu thường trú: 272/1 B, KP1
- Nơi ở hiện nay: 272/1 B, KP1

II. Thông tin người đại diện hợp pháp (nếu có)

- Họ và tên: PHẠM THỊ HUYỀN LAN
- Mối quan hệ với người được xác định khuyết tật: con
- Số CMND hoặc căn cước công dân: 271040907
- Hộ khẩu thường trú: 272 B, KP1
- Nơi ở hiện nay: 272 B, KP1
- Số điện thoại: 0356211434

III. Thông tin về tình trạng khuyết tật

1. Thông tin về dạng khuyết tật (Đánh dấu x vào ô tương ứng)

STT	Các dạng khuyết tật	Có	Không
1	Khuyết tật vận động		
1.1	Mềm nhẽo hoặc co cứng toàn thân		
1.2	Thiếu tay hoặc không cử động được tay		
1.3	Thiếu chân hoặc không cử động được chân		

1.4	Yếu, liệt, teo cơ hoặc hạn chế vận động tay, chân, lưng, cổ		
1.5	Cong, vẹo, chân tay, lưng, cổ; gù cột sống lưng hoặc dị dạng, biến dạng khác trên cơ thể ở đầu, cổ, lưng, tay, chân		
1.6	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về suy giảm chức năng vận động		
2	Khuyết tật nghe, nói		
2.1	Không phát ra âm thanh, lời nói		
2.2	Phát ra âm thanh, lời nói nhưng không rõ tiếng, rõ câu		
2.3	Không nghe được		
2.4	Khiếm khuyết hoặc dị dạng cơ quan phát âm ảnh hưởng đến việc phát âm		
2.5	Khiếm khuyết hoặc dị dạng vành tai hoặc ống tai ngoài ảnh hưởng đến nghe		
2.6	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về suy giảm chức năng nghe, nói		
3	Khuyết tật nhìn		
3.1	Mù một hoặc hai mắt		
3.2	Thiếu một hoặc hai mắt		
3.3	Khó khăn khi nhìn hoặc không nhìn thấy các đồ vật		
3.4	Khó khăn khi phân biệt màu sắc hoặc không phân biệt được các màu sắc		
3.5	Rung, giật nhãn thị, đục nhân mắt hoặc sẹo loét giác mạc		
3.6	Bị dị tật, biến dạng ở vùng mắt		
3.7	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về suy giảm chức năng nhìn		
4	Khuyết tật thần kinh, tâm thần		
4.1	Thường ngồi một mình, chơi một mình, không bao giờ nói chuyện hoặc quan tâm tới bất kỳ ai		
4.2	Có những hành vi bất thường như kích động, cáu giận hoặc sợ hãi vô cớ gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sự an toàn của bản thân và người khác		

4.3	Bất ngờ dừng mọi hoạt động, mắt mở trừng trừng không chớp, co giật chân tay, môi, mặt hoặc bất thình lình ngã xuống, co giật, sùi bọt mép, gọi hỏi không biết		
4.4	Bị mất trí nhớ, bỏ nhà đi lang thang		
4.5	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về suy giảm thần kinh, tâm thần		
5	Khuyết tật trí tuệ		
5.1	Khó khăn trong việc nhận biết người thân trong gia đình hoặc khó khăn trong giao tiếp với những người xung quanh so với người cùng lứa tuổi		
5.2	Chậm chạp, ngờ nghệch hoặc không thể làm được một việc đơn giản (so với tuổi) dù đã được hướng dẫn		
5.3	Khó khăn trong việc đọc, viết, tính toán và kỹ năng học tập khác so với người cùng tuổi do chậm phát triển trí tuệ		
5.4	Có kết luận cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về chậm phát triển trí tuệ		
6	Khuyết tật khác		
6.1	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về bệnh tê bì, mất cảm giác ở tay, chân hoặc sự bất thường của cơ thể làm giảm khả năng thực hiện các hoạt động; lao động; đọc, viết, tính toán và kỹ năng học tập khác; sinh hoạt hoặc giao tiếp		
6.2	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về bệnh hô hấp hoặc do bệnh tim mạch hoặc do rối loạn đại, tiểu tiện mặc dù đã được điều trị liên tục trên 3 tháng, làm giảm khả năng thực hiện các hoạt động; lao động; đọc, viết, tính toán và kỹ năng học tập khác; sinh hoạt hoặc giao tiếp		
6.3	Có kết luận của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên về rối loạn phổ tự kỷ hoặc các loại bệnh hiếm		

2. Thông tin về mức độ khuyết tật (Trường hợp trẻ em dưới 6 tuổi không phải kê khai)

Mức độ thực hiện	Thực hiện được	Thực hiện được nhưng cần trợ giúp	Không thực hiện được	Không xác định được
Các hoạt động				
1. Đi lại		✓		
2. Ăn, uống		✓		
3. Tiểu tiện, đại tiện		✓		
4. Vệ sinh cá nhân như đánh răng, rửa mặt, tắm rửa...		✓		

5. Mặc, cởi quần áo, giầy dép		✓		
6. Nghe và hiểu người khác nói gì				
7. Diễn đạt được ý muốn và suy nghĩ của bản thân qua lời nói				
8. Làm các việc gia đình như gấp quần áo, quét nhà, rửa bát, nấu cơm phù hợp với độ tuổi; lao động, sản xuất tạo thu nhập			✓	
9. Giao tiếp xã hội, hòa nhập cộng đồng phù hợp với độ tuổi				
10. Đọc, viết, tính toán và kỹ năng học tập khác				

....., ngày 15 tháng 11 năm 2021

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lan
Phạm Thị Huyền Lan

Số: 000.21.22.H19-211215-0013

Bình Đa, ngày 15 tháng 12 năm 2021

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Chủ hồ sơ: **LÊ THỊ MƯỜI**

Mã số hồ sơ: **000.21.22.H19-211215-0013**

Loại thủ tục: Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng

Trường hợp: **Trường hợp có khiếu nại**













Thời gian nhận hồ sơ: ngày **15**, tháng **12** năm **2021**

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày **15**, tháng **02**, năm **2022**

Địa chỉ: **272/1B, KHU PHỐ 1** Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Cơ quan (bộ phận) giải quyết hồ sơ:

Cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ:

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ	KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ (Trước hạn/đúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ			
1. Giao: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả 2. Nhận:	giờ phút, ngày tháng năm					
	<table border="1"><thead><tr><th>Người giao</th><th>Người nhận</th></tr></thead><tbody><tr><td> Huỳnh Thị Mộng Dung</td><td> Mộc Ái Vân</td></tr></tbody></table>	Người giao	Người nhận	 Huỳnh Thị Mộng Dung	 Mộc Ái Vân	
Người giao	Người nhận					
 Huỳnh Thị Mộng Dung	 Mộc Ái Vân					
1. Giao: 2. Nhận:	giờ phút, ngày 20 tháng 12 năm 21					
	<table border="1"><thead><tr><th>Người giao</th><th>Người nhận</th></tr></thead><tbody><tr><td> Mộc Ái Vân</td><td> Nguyễn Thị Hạnh</td></tr></tbody></table>	Người giao	Người nhận	 Mộc Ái Vân	 Nguyễn Thị Hạnh	
Người giao	Người nhận					
 Mộc Ái Vân	 Nguyễn Thị Hạnh					
1. Giao: 2. Nhận:	giờ phút, ngày tháng năm					
	<table border="1"><thead><tr><th>Người giao</th><th>Người nhận</th></tr></thead><tbody></tbody></table>	Người giao	Người nhận			
Người giao	Người nhận					

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH ĐÀ
BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 000.21.22.H19-211215-0013

Bình Đa, ngày 15 tháng 12 năm 2021

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ 000.21.22.H19-211215-0013

(Liên 1: Công chức)



Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND phường Bình Đa

Tiếp nhận hồ sơ của: Ông/Bà **LÊ THỊ MƯỜI**

Địa chỉ: 272/1B, KHU PHỐ 1 Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 0356211434

Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết: Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

STT	Loại giấy tờ	Bản chính	Bản sao
1	Mẫu số 1đ: Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP	1	0

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 40 ngày làm việc

Thời gian nhận hồ sơ: 15 giờ 7 phút, ngày 15 tháng 12 năm 2021

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: 8 giờ 0 phút, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Đăng ký nhận kết quả tại: phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Vào sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: Số thứ tự: 380

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

LM

NGƯỜI NHẬN KẾT QUẢ

(Ký và ghi rõ họ tên)

LM

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

LM

LÊ THỊ MƯỜI

Công chức VHXX
HUYỆN THỊ MỘNG DUNG

Thời gian nhận thực tế: 6 giờ 40 phút
Ngày .. 07/12 tháng .. 2021 .. năm .. 2021

LM

SỔ HỘ KHẨU
Số: 190412230

Họ và tên chủ hộ: LÊ THỊ MƯỜI

Nơi thường trú: 272B / 1 KP1

P. Bình Đa TP. Biên Hòa

Ngày 11 tháng 11 năm 2015
TRƯỞNG CÔNG AN TP. BIÊN HÒA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
Thượng tá Ngô Mạnh Hùng

Hồ sơ hộ khẩu số: 02002350

Số đăng ký thường trú số: Tờ số:

CHỦ HỘ

Họ và tên: LÊ THỊ MƯỜI

Họ và tên gọi khác (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh: 1/1/1942 Giới tính: Nữ

Quê quán: Quảng Nam

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: VN

CMND số: 272061341 Hộ chiếu số:

Nghề nghiệp, nơi làm việc:

Nơi thường trú trước khi chuyển đến: 1985

UBND PHƯỜNG BÌNH DÀ
CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
CHỨNG THỰC BAN SƠ XÂY DỰNG QUẬN CHỢ
Ngày 08 tháng 11 năm 2015
TRƯỞNG CÔNG AN TP. BIÊN HÒA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ngày: 08-11-2015

Số CT: Nguyễn Văn Vinh 2837
Số CT: Nguyễn Văn Vinh 2837
SCTBS Thượng tá Ngô Mạnh Hùng
Số xóa đăng ký thường trú:

UBND PHƯỜNG BÌNH DÀ
CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)
TRƯỞNG CÔNG AN TP. BIÊN HÒA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
Nguyễn Vinh Quang

Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI

SỔ HỘ KHẨU

Số: 190328456

Họ và tên chủ hộ: PHẠM THỊ HUỆN LAN

Nơi thường trú: 272 B11 Kp 1
Bình Đa
TP. Biên Hòa

Ngày: tháng năm 2014
TRƯỞNG CÔNG AN Biên Hòa
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Tư lệnh: Nguyễn Thành Tuấn

Hồ sơ hộ khẩu số: 02001646

Số đăng ký thường trú số: Từ số:

CHỦ HỘ

Họ và tên: PHẠM THỊ HUỆN LAN

Họ và tên gọi khác (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh: / / 1970 Giới tính: Nữ

Quê quán: Quảng Nam

Dân tộc: Kinh Quốc tịch:

CMND số: 271.040.907 Hộ chiếu số:

Nghề nghiệp, nơi làm việc:

Nơi thường trú trước khi chuyển đến: 2006

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ (Ký, ghi rõ họ tên) Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lý do xóa đăng ký thường trú:

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ (Ký, ghi rõ họ tên) Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Con

Họ và tên: PHAM VAN NHAN

Họ và tên gọi khác (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh: 1/1/1968 Giới tính: Nam

Quê quán: Hà Nội

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: VN

CMND số: Hộ chiếu số:

Nghề nghiệp, nơi làm việc:

Nơi thường trú trước khi chuyển đến: 1994

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 05 tháng 11 năm 2015
TRƯỞNG CÔNG AN P. Biên Hòa
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
Thượng tá Ngô Mạnh Hùng

Lý do xóa đăng ký thường trú:

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Con dâu

Họ và tên: PHAM THI THANG

Họ và tên gọi khác (nếu có):

Ngày, tháng, năm sinh: 1/1/1973 Giới tính: Nữ

Quê quán: Hà Nội

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: VN

CMND số: 271474696 Hộ chiếu số:

Nghề nghiệp, nơi làm việc:

Nơi thường trú trước khi chuyển đến: 2005

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 05 tháng 11 năm 2015
TRƯỞNG CÔNG AN P. Biên Hòa
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
Thượng tá Ngô Mạnh Hùng

Lý do xóa đăng ký thường trú:

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)


Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Cháu

Họ và tên: PHAM CÔNG HAT
Họ và tên gọi khác (nếu có):
Ngày, tháng, năm sinh: 10/10/2000 Giới tính: Nam
Quê quán: Đông Ngai
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: VN
CMND số: 272918214 Hộ chiếu số:
Nghề nghiệp, nơi làm việc:

Nơi thường trú trước khi chuyển đến: 2005

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 11 năm 2015
TRƯỞNG CÔNG AN T. Bình Hòa
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


Nguyễn Thị Chương Hiền
Lý do xóa đăng ký thường trú: đăng tá Ngõ Mạnh Hùng

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)


Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Cháu

Họ và tên: PHAM PHƯỚC SANG
Họ và tên gọi khác (nếu có):
Ngày, tháng, năm sinh: 17/02/2003 Giới tính: Nam
Quê quán: Đã Nẵng
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: VN
CMND số: 276041156 Hộ chiếu số:
Nghề nghiệp, nơi làm việc:

Nơi thường trú trước khi chuyển đến: 2005

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2015
TRƯỞNG CÔNG AN T. Bình Hòa
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


Nguyễn Thị Chương Hiền
Lý do xóa đăng ký thường trú: đăng tá Ngõ Mạnh Hùng

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

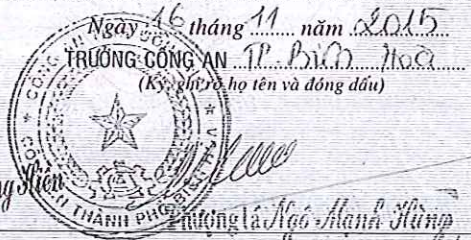
Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ: Cháu

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC HUY
Họ và tên gọi khác (nếu có):
Ngày, tháng, năm sinh: 02/6/2003 Giới tính: Nam
Quê quán: TP. HCM
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: VN
CMND số: 272976374 Hộ chiếu số:
Nghề nghiệp, nơi làm việc:

Nơi thường trú trước khi chuyển đến: 2005
A15 200277I

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lý do xóa đăng ký thường trú:

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

6

QUAN HỆ VỚI CHỦ HỘ:

Họ và tên:
Họ và tên gọi khác (nếu có):
Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Giới tính:
Quê quán:
Dân tộc: Quốc tịch:
CMND số: Hộ chiếu số:
Nghề nghiệp, nơi làm việc:

Nơi thường trú trước khi chuyển đến:

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lý do xóa đăng ký thường trú:

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

7

ĐIỀU CHỈNH THAY ĐỔI

Mẫu HK08 ban hành
theo TT số 81/2011/TT-BCA
ngày 15/12/2011

Nội dung:

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐIỀU CHỈNH THAY ĐỔI

Nội dung:

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

16

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

1- Sổ hộ khẩu được cấp cho hộ gia đình hoặc cá nhân đã đăng ký thường trú và có giá trị xác định nơi thường trú của công dân.

2- Sổ hộ khẩu bị hư hỏng thì được cấp đổi, bị mất thì được cấp lại.

3- Sổ hộ khẩu do Bộ Công an in và phát hành để sử dụng thống nhất trong toàn quốc.

4- Khi có những thay đổi trong sổ hộ khẩu, chủ hộ hoặc người trong hộ phải đến cơ quan đăng ký thường trú làm thủ tục thay đổi theo quy định.

5- Chủ hộ hoặc người trong hộ có trách nhiệm xuất trình sổ hộ khẩu khi cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu. Chủ hộ có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho những người có tên trong sổ hộ khẩu được sử dụng sổ để giải quyết các công việc theo quy định.

6- Nghiêm cấm việc thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung, tự viết thêm thông tin vào sổ hộ khẩu.

7- Công dân cần kiểm tra kỹ các thông tin đã đăng ký, điều chỉnh trước khi nhận sổ.

UBND PHƯỜNG BÌNH ĐÀ
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG BẢN CHÍNH

Ngày: 08-11-2021



SCT/BS 002632

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
Nguyễn Vinh Quang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SỐ 271040907

Họ tên: PHẠM THỊ HUYỀN LAN

Sinh ngày: 20-06-1970

Nguyên quán: TP. Hồ Chí Minh

Nơi ĐKKK thường trú: 272B KP1
P. Bình Đa, Biên Hoà, Đồng Nai

UBND PHƯỜNG BÌNH ĐÀ
CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG BẢN CHÍNH

Ngày: 08-11-2021



SCT/BS 002632

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
Nguyễn Vinh Quang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SỐ ~~272081011~~

Họ tên: LÊ THỊ MƯỜI

Sinh ngày: 1942

Nguyên quán: Đa Nặng

Nơi ĐKKK thường trú: 272B/1, KP1, Bình
Đa, Biên Hoà, Đồng Nai

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật giáo	
 NGÓN TRỎ TRÁI		DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH	
		Sẹo chằm c2cm trên trước đuôi mày phải	
 NGÓN TRỎ PHẢI		Ngày 14 tháng 11 năm 2014	
		GIAM ĐỐC C.A. Đông Nai.  Nguyễn Văn Khánh	



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật	
 NGÓN TRỎ TRÁI		DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH	
		Sẹo chằm 01cm trên trước đầu lông mày t	
 NGÓN TRỎ PHẢI		Ngày 05 tháng 07 năm 2006	
		GIAM ĐỐC C.A. Đông Nai  Nguyễn Văn Khánh	

